

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà hiệu bộ trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nhà hiệu bộ trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế và hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 260/TĐ-KTHT ngày 30/9/2021 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 462/TTr-UBND ngày 21/9/2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Nhà hiệu bộ trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Nhà hiệu bộ trường THPT Triệu Sơn 2, huyện Triệu Sơn.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng - cấp III.

**3. Địa điểm xây dựng:** Khuôn viên trường THPT Triệu Sơn 2, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn.

**4. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.

**5. Các giải pháp thiết kế chủ yếu**

**5.1. Giải pháp kiến trúc:** Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 25,2x7,8m (tính theo tim tường); chiều cao tầng 1 là 3,9m, tầng 2 là 3,6m, mái là từ 1,0-2,8m; chiều cao từ cos nền hoàn thiện đến cos đỉnh mái là 10,3m. Giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 1,8m; giao thông đứng bằng cầu thang trực (2-3), vế thang rộng 1,5m. Mặt bằng tầng 1 gồm: 1 phòng họp diện tích 103m<sup>2</sup>, khu cầu thang và khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; mặt bằng tầng 2 gồm: 1 phòng hiệu trưởng diện tích 39m<sup>2</sup> (bao gồm phòng làm việc và phòng nghỉ), 2 phòng hiệu phó diện tích mỗi phòng 19,5m<sup>2</sup>, 1 phòng kế toán diện tích 19,5m<sup>2</sup>, khu cầu thang và khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt.

- Tường xây gạch không nung 2 lỗ (6,0x10,5x22)cm VXM M50, trát tường, dầm, trần VXM M75; toàn bộ tường, dầm trần sơn 01 nước lót, 02 nước màu hoàn thiện (riêng phòng hội trường đóng trần tấm thạch cao). Nền, sàn lát gạch Ceramic KT 600x600mm, nền nhà vệ sinh lát gạch chống trơn KT 300x300mm, ốp gạch men kính KT 300x600mm cao 2,1m.

- Cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ 55 (Thanh profile Việt Ý, Shal, HyunDai, phụ kiện Kinlong kính an toàn 6,38mm) sản phẩm của Công ty TNHH Duy Tiến; hoa sắt cửa sổ thép hộp vuông 14x14x1,1mm, sơn tĩnh điện.

- Mái xây tường thu hồi gạch không nung VXM M50, trát VXM M75, giằng BTCT KT 80x110mm, xà gồ thép hình C100x50x1,8mm, vì kèo thép hộp U80x40x1,4mm; mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm.

- Lan can hành lang tầng 1 bằng sắt hộp 20x40x1,2mm và 40x80x1,2mm, sơn tĩnh điện kết hợp với gạch thông gió KT 300x300mm; lan can tầng 2 bằng sắt hộp 20x40x1,2mm và 40x80x1,2mm, sơn tĩnh điện kết hợp với hệ lam trang trí bằng bê tông và thép hộp 50x100x1,2mm sơn tĩnh điện; lan can cầu thang bằng sắt hộp 20x20x1,2mm sơn tĩnh điện, tay vịn gỗ nhóm III D60.

- Bậc cầu thang, bậc tam cấp xây bằng gạch không nung VXM M50. Mặt bậc cầu thang, bậc tam cấp ốp đá granit.

**5.2. Giải pháp kết cấu:**

- Phần móng: Móng băng BTCT M250 đá 1x2 dưới cột, kết hợp móng xây gạch không nung VXM M50; giằng móng BTCT đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, tiết diện giằng móng 220x100mm.

- Phần thân: Nhà kết cấu khung chịu lực; Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M250 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x300mm, 220x350mm, 220x500mm. Sàn BTCT đá 1x2 M250 dày 12cm; bản BTCT cầu thang bộ dày 12cm.

**5.3. Giải pháp cấp điện, chống sét:**

- Cấp điện: Được lấy từ nguồn điện hiện có kéo vào công trình. Nguồn điện từ tủ điện tổng đến tủ điện các tầng bằng dây dẫn CU/PVC 2x10mm<sup>2</sup>; dây dẫn trong phòng dùng dây CU/PVC 2x1,5mm<sup>2</sup>; 2x2,5mm<sup>2</sup>; dây dẫn chờ điều

hòa dùng dây CU/PVC 2x4mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện luồn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét  $\phi 14$  dài 1m; dây dẫn sét thép  $\phi 10$ . Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m chôn sâu cách mặt đất 0,8m; dây tiếp địa thép  $\phi 12$ .

#### **5.4. Giải pháp cấp, thoát nước:**

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước trong khu vực và được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu, sàn, lavabo, được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

#### **6. Mua sắm thiết bị:**

- Mua sắm 5 Bộ máy tính để bàn ổ cứng SSD500, Ram Kingston 8G, màn hình View sonic 19 inch, Mian VSP H110 + bàn phím và chuột Fulhen.

- Mua sắm 5 Bàn máy tính Hòa Phát KT 1400 x700x750mm, NT140C3HL.

- Mua sắm 5 Ghế gấp Hòa Phát KT 440x490x760mm, G03

#### **7. Giá trị dự toán và nguồn vốn:**

##### **7.1. Giá trị dự toán: 3.771.902.000 đ.**

*(Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, chín trăm lẻ hai ngàn đồng chẵn)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	3.030.072.000 đ
- Chi phí thiết bị	99.649.000 đ
- Chi phí QLDA	93.380.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	308.852.000 đ
- Chi phí khác	60.335.000 đ
- Chi phí dự phòng	179.614.000 đ

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

**7.2. Nguồn vốn:** Vốn ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác.

**8. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**9. Thời gian thực hiện:** Năm 2021-2022.

**Điều 2.** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc huyện; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận :*

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

**DỰ TOÁN**  
**CÔNG TRÌNH: NHÀ HIỆU BỘ TRƯỞNG THPT TRIỆU SƠN 2,**  
**HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>2.754.610.909</b>	<b>275.461.091</b>	<b>3.030.072.000</b>
II	CHI PHÍ MUA SẴM THIẾT BỊ	90.590.000	9.059.000	99.649.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	93.379.494		93.379.494
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>280.774.856</b>	<b>28.077.486</b>	<b>308.852.342</b>
1	Khảo sát	35.839.091	3.583.909	39.423.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát	1.075.173	107.517	1.182.690
3	Giám sát khảo sát	1.459.368	145.937	1.605.305
4	Lập Báo cáo KT-KT	140.012.337	14.001.234	154.013.570
5	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	11.899.919	1.189.992	13.089.911
6	Giám sát thi công xây dựng	90.488.968	9.048.897	99.537.865
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>56.885.815</b>	<b>3.448.596</b>	<b>60.334.410</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	358.331		358.331
2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT	2.754.611		2.754.611
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	10.238.019		10.238.019
4	Kiểm toán	34.485.958	3.448.596	37.934.553
5	Kiểm tra công tác nghiệm thu xây dựng công trình của cơ quan quản lý nhà nước	9.048.897		9.048.897
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>163.812.054</b>	<b>15.802.309</b>	<b>179.614.362</b>
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	163.812.054	15.802.309	179.614.362
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.349.463.127</b>	<b>331.848.481</b>	<b>3.771.901.608</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b>3.771.902.000</b>
<i>Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, chín trăm lẻ hai ngàn đồng chẵn</i>				